

tâm rượu, sấy khô	48g
Địa hoàng	100g
Sa nhân (đé ché với địa hoàng)	24g
Bach phục linh	80g
Thiên môn đông bô lôi	48g
Mạch môn đông	48g
Nhân sâm	48g

Cách chế biến : Nhau thai nhí rửa sạch, ép kỹ, xay khô, tán thành bột hoặc làm rượu, đồ chín, xay khô, tán bột.
Quy bản tâm nước tiêu tre em 3 ngày, phơi khô, tẩm dấm, sao vàng.

Bịa hoàng trộn với sa nhân và bạch phục linh bọc bởi túi lụa cho vào bình rượu đun 7 lần. Lấy ra, chọn lấy địa hoàng - nghiên cho nhuyễn.

Tắt cả các vị tán thành bột, luyện với cao địa hoàng và làm thành hoàn 0,5g.

Chỉ định : bỗn, giúp mạnh khỏe, sống lâu.

Liều dùng : Uống 50 viên/lần x 1-2 lần/ngày.

Lưu ý : Nếu dùng mùa hè nên có thêm ngũ vị tử 28g.

Nếu dùng mùa đông nên dùng rượu để chiết xuất thuốc.

Nếu dùng cho phụ nữ thi, thêm đương quy 80g.

Nếu nam giới bị di tinh, phụ nữ bị khí hư, cho thêm mâu lệ phán 40g.

Hec (Pháp)

Dạng thuốc :	Öng thuốc mỡ 25g chứa:
Cao lồng Hamamelis	187,5mg
Phenazon	187,5mg
Tanin được dụng	3,15g

Tác dụng : Cảm máu và làm dịu da

Chỉ định : Cháy máu cam, loét trong hốc mũi, dùng sau thăm khám hốc mũi.

Liều dùng : Thâm vào nứm bông nhỏ, đưa vào lỗ mũi.

Lưu ý : Cần dùng cho vết thương nhỏ ngoài da, con đau trĩ.

Hemocoagulase

Biệt dược : Reptilase (Pháp)

Dạng thuốc : Öng tiêm 1ml dd tương ứng với 1 đơn vị Klobusitzky(1) và 0,3 đơn vị NIH(2).

Tác dụng : Dđ bào ché từ nọc rắn độc Bothrops satrox gồm 2 thành phần- 1 thành phần thromboplastin-1 thành phần kiêu thrombin (batroxobin) giải phóng ra fibrinopeptid A từ fibrinogen. Khác với thrombin, thuốc

này không bị antithrombin H hoặc heparin úc ché.

Chỉ định : Điều trị tình trạng chảy máu khi phẫu thuật và sau phẫu thuật, cũng như ở một số bệnh như : chảy máu cam, khái huyết, không liên quan đến sự thiếu hụt các yếu tố đông máu và hoặc có kéo dài riêng lẻ thời gian đông máu.

Liều dùng : Tiêm tĩnh mạch - bắp hoặc dưới da, hay tại chỗ với liều 1-3 ống/24 giờ.

Chống chỉ định : Tiêm bắp ở hội chứng chảy máu sinh học.

Lưu ý : Nếu có biểu hiện dị ứng phải ngừng dùng thuốc ngay.

(1) 1 đơn vị Klobusitzky tương ứng với lượng enzym làm đông được 5ml máu tươi ngựa đã loại calci in vitro trong thời gian 10 phút ở 22°C.

(2) Đơn vị NIH : đơn vị do Viện bảo vệ sức khỏe quốc gia Pháp xác định về hiệu lực kiêu thrombin

Hepanephrol (Pháp)

Dạng thuốc : Öng uống 10ml có : 2g cao Arisò (ứng với 50mg cynarin) và 200mg dd 10% phức hợp flavonic của citrus (ứng với 20mg hesperidin)

Tác dụng : Tăng tiết mật - lợi mật.

Chỉ định : Kích thích thải nước ở thận. Rối loạn tiêu hóa.

Liều dùng : Uống 3 ống/ngày, trước bữa ăn.

Lưu ý : Không dùng thuốc nếu tắc mật và suy gan nặng.

Hépa fort 600 (Australia)

Dạng thuốc : Viên nén bọc chứa :

Methionin	50mg
Cholin bitartrat	50mg
Cao gan	600mg
Cyanocobalamin	100mcg
Sorbitol	50mg

Chỉ định : Các trường hợp suy chức năng gan

Liều dùng : Người lớn : ngày uống 3 lần x 1 viên vào bữa ăn.

Hepatoglobine (Án Độ)

Dạng thuốc : Lọ 150ml dd uống, cứ 15ml chứa :